

Bản án số: 1003/2024/DS-ST

Ngày: 31/05/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hòa Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0055/2023/TLST-DS ngày 05/01/2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2024/QĐXX – ST ngày 24/04/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐ – HPT ngày 13/05/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 NKKH, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T (Giấy ủy quyền số 695/2022/UQ-TGD ngày 03/11/2022 (Có mặt)

Địa chỉ: 80/17 Đường S, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy O (Vắng mặt)

Địa chỉ: 301/31/16A NTT(Số mới là 49/22/20 NHC), phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2022, các bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Thúy O có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà O, ngày 08/11/2018, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, mục đích: vay tiêu dùng cá nhân, cụ thể như sau:

- Loại thẻ: Visa pay wave Cre Platinum Cashback;
- Số thẻ: 436438-4929;
- Hạn mức: 50.000.000 đồng;
- Ngày cấp thẻ: 27/12/2018;
- Lãi suất áp dụng: 2.4 %.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà O đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.350.459.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà O đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.302.458.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Bà O phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà O đã vi phạm quy định về thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà O vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Lê Thị Thúy O vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), ngày 06/12/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 56.491.292 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.6%/tháng (=lãi suất trong hạn 2.4% x 150%).

Tính đến ngày 31/05/2024, Bà O còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 56.491.292 đồng;
- Lãi quá hạn: 61.553.320 đồng;
- Tổng cộng: 118.044.612 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng).

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng S, Ngân hàng S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy O như sau:

Buộc bà Lê Thị Thúy O phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 31/05/2024 là 118.044.612 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười

tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 56.491.292 đồng; Lãi quá hạn: 61.553.320 đồng;

Ngoài ra, yêu cầu Tòa án buộc bà O phải chịu lãi phát sinh từ ngày 01/06/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn bà Lê Thị Thúy O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Minh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bản tự khai ngày 31/05/2024 đã cung cấp cho Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

+ Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, người đại diện đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:*

Căn cứ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 08/11/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có chữ ký xác nhận của hai bên là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Lê Thị Thúy O. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thống nhất của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định: Ngày 08/11/2018, bà Lê Thị Thúy O có vay vốn theo hình thức mở thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.350.459.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.302.458.000 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kéo dài, vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu nợ tạm tính đến ngày 31/05/2024 là 118.044.612 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 56.491.292 đồng; Lãi quá hạn: 61.553.320 đồng là có cơ sở để chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 465 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Do đó đề nghị HĐXX tuyên Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với bà Lê Thị Thúy O là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 645/2023/QĐ-CCTLCC ngày 07/03/2023 của Công an phường 22, quận Bình Thạnh trả lời: Đương sự Lê Thị Thúy O, sinh năm 1988 có hộ khẩu thường trú: 301/31/16A NTT(Số mới là 49/22/20 NHC), phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Thúy O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử + Các bản photo về Biên bản về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà O đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 08/11/2018, tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bà Lê Thị Thúy O có vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo hình thức mở thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thông qua Giấy đề nghị Ngân hàng đã cấp cho bà O thẻ Visa pay wave Cre Platinum Cashback, số thẻ là 436438-4929. Thông qua số thẻ nêu trên bà Lê Thị Thúy O đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.350.459.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.302.458.000 đồng. Do đó, số tiền mà bà O còn nợ lại ngân hàng tính đến ngày 31/05/2024 với tổng số tiền là 118.044.612 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 56.491.292 đồng; Lãi quá hạn: 61.553.320 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Việc yêu cầu mở thẻ của bà Lê Thị Thúy O và đã được ngân hàng S đã cấp cho bà O thẻ Visa pay wave Cre Platinum Cashback, số thẻ là 436438-4929 là thẻ hiện ý trí tự nguyện, không bị ép buộc giữa hai bên. Sau khi được cấp thẻ bà O đã sử dụng thẻ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vốn vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ số 436438-4929. Do bà Lê Thị Thúy O không thanh toán đầy đủ số tiền nợ còn thiếu đúng thỏa thuận tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06/12/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 31/05/2024 là 118.044.612 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 56.491.292 đồng; Lãi quá hạn: 61.553.320 đồng.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán ngay số tiền còn thiếu làm một lần, ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải thanh toán ngay số tiền còn thiếu nợ nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời điều này cũng phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 01/06/2024 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

3. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các khoản 3 và 4 Điều 8, Điều 10, điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Lê Thị Thúy O phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tình đến ngày 31/05/2024 với tổng số tiền là 118.044.612 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 56.491.292 đồng; Lãi quá hạn: 61.553.320 đồng.

Phương thức thanh toán: Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự.

Kể từ sau ngày 01/06/2024, bà Lê Thị Thúy O còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Thúy O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5,902,231 đồng (Năm triệu chín trăm không hai ngàn hai trăm ba mươi một đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.927.000 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0019176 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hòa Bình Nguyễn Thị Bích Thân

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

Nguyễn Thị Thanh Thủy